

Số: ...../TB-SNN-BVTV

Trà Vinh, ngày.....tháng 4 năm 2023

**THÔNG BÁO**  
**Lịch xuống giống lúa vụ Hè Thu 2023**

Theo Trung tâm dự báo Khí hậu trên thế giới được Viện khoa học Thủy lợi Miền Nam cập nhật ngày 20/02/2023, ENSO chuyển sang trạng thái trung tính từ tháng 3 - 5/2023, En Nino vẫn dự báo ở mức thấp ở giai đoạn tháng 3 đến tháng 5 và tăng lên 20% ở giai đoạn tháng 4 đến tháng 6. Dự báo dòng chảy về Đồng bằng sông Cửu Long giảm nhanh các tháng đầu mùa năm 2023, mặn lên sớm ở tháng 12/2022, tăng cao trong tháng 2 và tiếp tục tăng cao ở tháng 3/2023, cụ thể trong tháng 3 mặn với nồng độ 4g/l có thể xâm nhập sâu 45 - 60 km, gió chướng mạnh có thể làm mặn vào sâu 50 - 65 km làm ảnh hưởng đến việc lấy nước của các cống; sau tháng 3 mặn gia tăng chủ yếu khu vực sông Vàm Cỏ, mặn có thể xâm nhập 65 - 75 km.

Căn cứ vào tình hình thực tế, dự tính, dự báo tình hình phát sinh phát triển của các loại dịch hại có thể gây ảnh hưởng trong vụ Hè Thu và tiếp thu ý kiến đóng góp của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Để đảm bảo sản xuất vụ Hè Thu 2023 được an toàn, hạn chế thiệt hại do ảnh hưởng xâm nhập mặn, khô hạn đầu vụ và sâu bệnh hại gây bất lợi đến sản xuất; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo lịch xuống giống vụ Hè Thu 2023, cụ thể như sau:

**1. Bố trí lịch thời vụ xuống giống**

Kế hoạch vụ lúa Hè Thu 2023 được UBND tỉnh giao 68.000 ha, năng suất bình quân 5,25 tấn/ha, sản lượng đạt 357.000 tấn. Tuy nhiên, qua trao đổi, làm việc với địa phương dự kiến gieo sạ 68.485 ha, bao gồm: Càng Long 9.800 ha, Cầu Kè 7.439 ha, Tiểu Cần 10.200 ha, Châu Thành 14.366 ha, Cầu Ngang 9.200 ha, Trà Cú 14.200 ha, Duyên Hải 2.380 ha, TX Duyên Hải 200 ha và thành phố Trà Vinh 700 ha.

Khung thời vụ xuống giống lúa chung cho toàn tỉnh bắt đầu từ ngày 01/04/2023 đến ngày 31/05/2023, tập trung vào 02 đợt chính như sau:

+ Đợt 01: Xuống giống từ ngày 01/04 - 15/04/2023 với diện tích khoảng 13.053 ha, tập trung cho các huyện: Càng Long 9.800 ha; Cầu Kè 1.024 ha; Tiểu Cần 1.000 ha; Châu Thành 729 ha và Trà Cú 500 ha.

+ Đợt 02: Xuống giống từ ngày 01/05 - 31/05/2023 với diện tích khoảng 55.432 ha, tập trung tại các huyện: Cầu Kè 6.415 ha, Tiểu Cần 9.200 ha, Châu Thành 13.637 ha, Cầu Ngang 9.200 ha, Trà Cú 13.700 ha, Duyên Hải 2.380 ha, TX Duyên Hải 200 ha và TP. Trà Vinh 700 ha.

*(Chi tiết có phụ lục đính kèm)*

Lưu ý: Tùy vào điều kiện thực tế, các địa phương bố trí lịch xuống giống cụ thể cho từng vùng phù hợp, nhưng phải theo khung lịch thời vụ chung của tỉnh nhằm đảm bảo xuống giống tập trung đồng loạt, dứt điểm trên từng cánh đồng để chủ động trong việc rửa mặn, phèn, vận hành nước cho sản xuất và áp dụng các giải pháp kỹ thuật giảm giá thành được hiệu quả.

## **2. Cơ cấu giống lúa**

Đề nghị các địa phương tăng cường khuyến cáo, hướng dẫn nông dân sử dụng giống lúa cấp xác nhận và bộ giống cho vụ Hè Thu 2023 cụ thể như sau:

- Nhóm giống lúa chủ lực: OM 5451, OM 18, OM 4900, Đài Thơm 8.
- Nhóm giống lúa bổ sung: OM 6976, RVT, ST 24, ST 25.
- Nhóm giống lúa chất lượng trung bình: IR 50404, ML 202, Siêu Hàm Trâu có thể duy trì với tỉ lệ không vượt quá 20% diện tích sản xuất của tỉnh.

*Lưu ý:* Các địa phương bố trí nhóm giống có cùng thời gian sinh trưởng để thuận lợi trong việc cung cấp, sử dụng nước tưới tiết kiệm và quản lý sâu bệnh trên diện rộng đạt hiệu quả.

## **3. Các giải pháp**

- Thực hiện tốt công tác vệ sinh đồng ruộng trước khi xuống giống ít nhất 2 tuần, sử dụng nấm *Trichoderma* hoặc các chế phẩm sinh học để phân hủy rơm rạ nhằm hạn chế ngộ độc hữu cơ và cắt đứt nguồn bệnh.

- Tuyên truyền, vận động nông dân tuân thủ lịch thời vụ theo khuyến cáo; thực hiện việc xuống giống đồng loạt, tập trung né rầy theo từng vùng. Các địa phương chỉ đạo lịch xuống giống cụ thể, tập trung cho từng ấp, khóm, xã, phường. Trong từng đợt xuống giống phải đảm bảo dứt điểm trên từng cánh đồng.

- Khuyến cáo sử dụng cấp giống xác nhận, giống có thời gian sinh trưởng phù hợp trên từng địa phương, những giống lúa có năng suất và chất lượng cao phù hợp với yêu cầu thị trường, cứng cây, chống đổ ngã, chống chịu sâu bệnh và hạn mặn tốt như: OM 18, OM 4900, OM 5451, Đài Thơm 8, ST 5, ST 24, ST 25,... Vận động, tuyên truyền người dân áp dụng các biện pháp sạ hàng, sạ thưa, lượng giống sử dụng không vượt 120 kg/ha.

- Có chế độ dinh dưỡng phân bón cân đối và hợp lý: Sau khi gieo sạ, khuyến cáo nông dân thường xuyên thăm đồng, bón phân thúc sớm, bón cân đối NPK tạo điều kiện lúa đẻ nhánh tốt, tăng chồi hữu hiệu; tăng cường bón phân bón hữu cơ, hữu cơ vi sinh, sử dụng phân bón có chứa canxi như vôi bột, lân nung chảy, silic; ưu tiên sử dụng các loại phân bón có nguồn gốc sinh học, bổ sung các loại phân bón cung cấp qua lá để tăng sức chống chịu cho cây lúa.

- Quản lý tốt nguồn nước: Các địa phương tiếp tục tổ chức vớt vận cản như lục bình, cỏ dại,... trên các tuyến kênh, rạch để khai thông dòng chảy. Đặc biệt, vụ Đông Xuân cần chuẩn bị tốt việc triển khai nạo vét các trục kênh chính, củng cố bờ bao ngăn mặn, trữ ngọt, sửa chữa các cống, bọng, điều tiết nước,... để tăng khả năng trữ nước ngọt và giữ kín nước, tránh rò rỉ.

- Giám sát dịch bệnh: Tiếp tục hướng dẫn nông dân áp dụng biện pháp IPM, tăng cường công tác dự tính - dự báo. Chú ý các đối tượng gây hại chính có thể xuất hiện như bệnh đạo ôn lá, đạo ôn cổ bông; các bệnh do khuẩn (cháy bìa lá, sọc trong, thối thân); nhện gié; chuột; đặc biệt là tăng cường công tác dự tính dự báo về diễn biến tình hình rầy nâu để hướng dẫn người dân phòng trị kịp thời. Thường xuyên theo dõi các đối tượng gây hại để chủ động phát hiện và phòng trị tốt ngay từ đầu vụ, không để cây lúa mất sức sẽ kéo dài thời gian sinh trưởng.

#### **4. Tổ chức thực hiện**

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh: Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn thuộc Sở thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao; Chủ trì phối hợp Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thông tin hướng dẫn và khuyến cáo người dân tuân thủ thực hiện đúng lịch xuống giống lúa vụ Hè Thu 2023; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện ở các địa phương; kết quả báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định;

- Công ty TNHH một thành viên Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh: Căn cứ vào lịch xuống giống có kế hoạch phối hợp cụ thể với các địa phương trong vận hành các công trình thủy lợi điều tiết nước hợp lý phục vụ tốt việc làm đất, xuống giống.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố: Chỉ đạo phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, phòng Kinh tế thị xã và thành phố; Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp và UBND các xã, phường, thị trấn thông báo và hướng dẫn nông dân thực hiện tốt lịch thời vụ, tổ chức xuống giống đồng loạt trên diện rộng, cụ thể trên từng cánh đồng, đảm bảo sản xuất đạt thắng lợi theo kế hoạch đề ra./.

#### **Nơi nhận :**

- UBND tỉnh (b/c);
- PCT.UBND tỉnh Nguyễn Trung Hoàng (b/c);
- GD; các PGĐ Sở;
- Công ty TNHH MTV QLKT CTTL;
- Các cục: Trồng trọt và BVTV, Thủy lợi;
- Trung tâm Khuyến nông;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện;
- Phòng Kinh tế thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, BVTV.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Văn Đông**

## PHỤ LỤC

( Kèm theo Thông báo số...../TB-SNN-BVTV ngày 4/2023 của  
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

*Đơn vị tính: ha*

| STT              | Huyện/thị xã/thành phố | Kế hoạch UBND tỉnh | Diện tích đề xuất gieo sạ của địa phương | Đợt 01 xuống giống từ ngày 01/04 - 15/04 | Đợt 02 xuống giống từ ngày 01/05 - 31/05 |
|------------------|------------------------|--------------------|--|--|--|
| 1                | Càng Long              | 9.800              | 9.800                                    | 9.800                                    |  |
| 2                | Cầu Kè                 | 7.500              | 7.439                                    | 1.024                                    | 6.415                                    |
| 3                | Tiêu Cần               | 10.200             | 10.200                                   | 1.000                                    | 9.200                                    |
| 4                | Châu Thành             | 13.900             | 14.366                                   | 729                                      | 13.637                                   |
| 5                | Trà Cú                 | 14.200             | 14.200                                   | 500                                      | 13.700                                   |
| 6                | Cầu Ngang              | 9.200              | 9.200                                    |  | 9.200                                    |
| 7                | Duyên Hải              | 2.380              | 2.380                                    |  | 2.380                                    |
| 8                | TX.Duyên Hải           | 200                | 200                                      |  | 200                                      |
| 9                | TP. Trà Vinh           | 700                | 700                                      |  | 700                                      |
| <b>Tổng cộng</b> |                        | <b>68.000</b>      | <b>68.485</b>                            | <b>13.053</b>                            | <b>55.432</b>                            |

